TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi.

Ông Nguyễn Duy Tuân.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà:*** Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990; cư trú tại thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1984; cư trú tại thôn L, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện A, Hải Phòng vào năm 2014. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh N tại thôn L, xã Q, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, anh N nghe gia đình nên thường xuyên đánh chửi chị vô cớ. Mâu thuẫn đã được

gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 7 năm 2017 đến nay chị đã về cư trú cùng với bố, mẹ đẻ chị ở thôn C, xã Đ, huyện A, Hải Phòng. Sau khi chị bỏ đi, anh N không đến tìm chị, thỉnh thoảng chị có về nhà anh N nhưng chỉ là để thăm con chứ không có mục đích về đoàn tụ với anh N. Từ tháng 7 năm 2017 đến nay, chị và anh N sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung là Đỗ Tiến D, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2016. Khi về nhà mẹ đẻ, chị có mang con đi cùng nhưng bị anh N và gia đình anh N ngăn cản không cho chị mang con đi, khi chị về thăm con anh N cũng ngăn cản chị không cho chị thăm con. Hiện tại chị làm công nhân, làm hành chính, thu nhập 9.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, chị còn được sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ chị trong việc chăm sóc con chung nên chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là anh Đỗ Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của anh và chị T theo như chị T đã khai là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T tính tình nóng nảy nên cư xử không đúng mực với mẹ chồng dẫn đến vợ chồng có xảy ra xô xát. Từ tháng 7 năm 2017, chị T đã bỏ về cư trú cùng với bố, mẹ đẻ chị T. Từ khi chị T bỏ đi, anh cũng đã nhờ họ hàng nội, ngoại khuyên chị T quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị T và vì con chung còn nhỏ, nên chị T xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung theo như lời khai chị T đã trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng vì anh làm kinh doanh nên anh có điều kiện kinh tế tốt hơn chị T, anh còn được sự giúp đỡ của bố, mẹ anh trong việc chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T và giao con chung Đỗ Tiến D, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2016 cho chị T nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con của anh N cho chị T. Không xem xét, giải quyết về tài sản. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập xác định: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn N kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, Hải Phòng năm 2014. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình nội, ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Anh N xác định anh vẫn còn tình cảm với chị T và không đồng ý ly hôn nhưng anh N cũng không có biện pháp tích cực để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, việc anh N không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn N có một con chung là Đỗ Tiến D, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2016. Xét thấy, chị T là công nhân còn anh N làm kinh doanh nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Tuy nhiên con chung Đỗ Tiến D còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên giao cho chị T nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo quyền lợi cho con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, quan điểm của chị T là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh N cho chị T. Khi nào chị T có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3]. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Căn cứ Điều 6; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Tiến D, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2016 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 24 tháng 11 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh N cho chị T. Khi nào chị T có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu tiền số 7289 ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Q, huyện A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế